

BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ PHƯƠNG PHÁP CAN THIỆP HIỆU QUẢ ĐỐI VỚI SỰ ĐA DẠNG CỦA NGƯỜI HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG HÒA NHẬP

ROBERT A. GABLE, PhD.* - LAUREN W. COLLINS, PhD.**

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 15/05/2016; ngày duyệt đăng: 18/05/2016.

Abstract: We are witnessing some dramatic changes in where and how students around the world are being taught. Changes in social perspectives and in public policy are ushering in a new era whereby countries around the world are striving to establish a more inclusive society, in schools and beyond. Predicated on a commitment to making complex systemic changes, research and experience suggests that a positive behavior intervention and support (PBIS) approach can lead to major positive changes in pupil behavior and academic achievement. We highlight some aspects of a systems approach to change as well as offer several specific strategies that are part of a multi-tiered approach to better serving all students in inclusive educational settings.

Keywords: Complex systems change, positive behavior intervention and support, inclusive education.

Ở các nước trên thế giới, “giáo dục công” đang trong quá trình chuyển đổi. Sự thay đổi nhanh chóng về số lượng người đi học đang tác động đáng kể đến tính đồng nhất của học sinh (HS) độ tuổi đến trường ở nhiều quốc gia. Đồng thời, hình thành nên nhận thức: tất cả các HS đều cần được hưởng nền “giáo dục công” trong một “môi trường ít hạn chế nhất”. Không như trong quá khứ, khi một số HS không được tiếp cận với nền “giáo dục công”; ngày nay, càng nhiều quốc gia đã ban hành Luật hoặc khẳng định rằng: tất cả những HS - có hoặc không có khuyết tật, đều cần được dạy học có chất lượng. Và để phát huy tối đa khả năng có thể của HS, HS khuyết tật cần được dạy học cùng với các bạn không có khuyết tật trong các lớp học ở trường phổ thông. Ở các nước như Việt Nam và Hoa Kỳ, Chính phủ đều đưa ra mục tiêu cuối cùng cần đạt được là một “xã hội hòa nhập”.

Ngày nay, với sự gia tăng của dân số có độ tuổi đến trường phổ thông, các nhà giáo dục trên toàn thế giới phải đối mặt với những thách thức mới cũng như nhận được những cơ hội mới về văn hóa, phương pháp làm việc để đáp ứng nhu cầu đó. Cùng với những quan điểm thay đổi về “giáo dục công”, đang có sự tăng trưởng lớn về số lượng những “lớp học thực hành”, “nghiên cứu thực nghiệm” trên diện rộng. Hơn nữa, một số quốc gia đã chấp nhận hình thức tổ chức các can thiệp dựa trên bằng chứng khoa học và phi học thuật theo cách tiếp cận đa tầng, thường được gọi là *can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực* (Positive behavior intervention and support - PBIS) [1; tr 69-75].

1. Giới thiệu chung về can thiệp và hỗ trợ hành vi tích cực - PBIS

PBIS là một phương pháp phòng ngừa để thiết lập một môi trường trường học tích cực, gồm: xác định và giảng dạy đối với những kì vọng dành cho HS, thừa nhận hành vi thích hợp và phát triển những phương thức để đối phó với hành vi không phù hợp của HS.

Những chiến lược can thiệp được lựa chọn tương ứng với mỗi cấp độ (trong số 3 cấp độ) gồm: - *Cấp độ ban đầu hoặc phổ quát*; - *Cấp độ cơ sở hoặc tập trung*; - *Cấp độ nâng cao hoặc chuyên sâu*. Ba cấp độ này đáp ứng với tất cả, một số và/hoặc một vài HS. Quyết định lựa chọn một “can thiệp” được dựa trên giám sát hành vi của HS và sự hiểu biết về bản chất của vấn đề được HS thể hiện (ví dụ, HS tìm cách tránh một nhiệm vụ khó khăn hoặc muốn đạt được sự chú ý của bạn cùng lớp). Chúng tôi muốn nhấn mạnh tầm quan trọng về mức độ “trung thực” của giáo viên (GV) khi thực hiện việc can thiệp. Nghĩa là, bất kì sự can thiệp nào cũng phải được tiến hành chính xác đối với từng thời điểm như đã lên kế hoạch. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh ở đây là tầm quan trọng của việc thiết lập một “tâm nhìn chung” về thực hiện bền vững những thay đổi phức tạp và có hệ thống trong “giáo dục công”; phải cho thấy một kết quả rõ ràng, có thể đo lường được, cùng với một phương tiện để theo dõi sự tiến bộ đã đạt được trong mục tiêu ngắn hạn và dài hạn (đáp ứng các mục tiêu liên quan đến mọi mặt xã hội).

Ngày càng nhiều quốc gia cho thấy phương pháp PBIS tạo nên sự thay đổi đáng kể ở cả thành tích học tập trong

*Old Dominion University, Norfolk VA, USA

**University of Hawaii, USA

các môn học và ngoài môn học của HS. Điều này đồng nghĩa với việc trường học đang tạo ra sự thay đổi tích cực đáng kể trong việc hình thành đạo đức cho HS, giảm mạnh các hình thức kỷ luật. Những thay đổi này đòi hỏi một cam kết lâu dài, được xác định dựa trên sự chấp nhận chung của Chính phủ, nhà trường, cũng như các nhà quản lý trường học và GV, nhằm giúp tất cả HS được hưởng lợi.

2. Các biện pháp can thiệp và hỗ trợ đã được kiểm chứng, thực nghiệm

2.1. Can thiệp cấp độ phổ quát

- *Hướng dẫn thông qua sự trợ giúp của HS.* HS trong vai trò của “người hướng dẫn” có thể là một biện pháp can thiệp hiệu quả. Biện pháp này không chỉ có lợi cho cá nhân HS mà còn cho phép GV tập trung nỗ lực vào những HS có nhiều khó khăn nhất. Hơn nữa, sự can thiệp thông qua trợ giúp của bạn bè có thể hiệu quả hơn những hướng dẫn trực tiếp từ GV, vì HS thường thể hiện sự “thích thú” khi được bạn cùng lớp dạy kèm. Việc hướng dẫn hay dạy kèm có thể được thực hiện trên cơ sở 1:1 hoặc đối với một nhóm/một lớp học. Trước khi GV ghép các cặp HS hướng dẫn nhau phải hướng dẫn HS thể hiện được vai trò của mình và GV phải theo dõi quá trình hướng dẫn đó. Việc dạy học kèm sẽ thúc đẩy sự đoàn kết của tập thể cũng như tạo các cơ hội để HS tương tác với các bạn cùng lớp.

- *Thực hiện “chiến lược tự quản lý”.* HS được dạy, hướng dẫn chi tiết để tự quản lý hành vi của mình (tự điều chỉnh), đó là: tự quan sát, tự ghi các hành vi cụ thể, thiết lập mục tiêu cho bản thân. GV có thể cá nhân hóa các chiến lược can thiệp dành cho HS cụ thể (có thể là hành vi xã hội và/hoặc học tập). Ngoài ra, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng các chiến lược tự quản thường có hiệu quả hơn so với các chiến lược quản lý theo quy định, có sự hướng dẫn của GV. Sử dụng chiến lược tự quản ở HS cho kết quả cao hơn về: tự ý thức, động lực và thành tích học tập. Nhìn chung, cả biện pháp “dạy kèm” và “tự quản” đều có thể áp dụng cho cả nhóm lớn hay nhóm nhỏ số lượng HS trong một lớp học.

- *Quản lý nhóm dự phòng.* Có ba hình thức: + *Phụ thuộc lẫn nhau* (interdependent): Với cách tiếp cận phụ thuộc lẫn nhau, thành tích của HS có liên quan đến thành tích chung của toàn nhóm. Ví dụ, HS ở đây 1 phải đạt kết quả trung bình là 85,0% độ chính xác trên một bài đố về đại số sẽ nhận được một phần thưởng; + *Phụ thuộc* (dependent): Với biện pháp mang tính phụ thuộc, đôi khi được gọi là một phương pháp “anh hùng”, thành tích của một cá nhân HS có thể sẽ ảnh hưởng, xác định kết quả toàn nhóm HS có nhận được phần thưởng không. Ngược lại, GV có thể lựa chọn một HS có vị thế xã hội thấp (chẳng hạn một HS khuyết tật) trong nhóm, dù HS này chỉ đạt điểm số/thành tích chấp nhận được nhưng

vẫn tinh thành tích tốt cho cả nhóm; + *Quản lý độc lập* (independent management): Với phương án thực hiện độc lập, chỉ những HS đáp ứng được điểm số/tiêu chuẩn cao về kết quả học tập, chẳng hạn đạt 9/10 câu trả lời đúng cho bài kiểm tra chính tả, sẽ nhận được một phần thưởng. Các biện pháp học tập với nhóm có thể được áp dụng cho một số lượng lớn HS và hiệu quả nhất khi một lớp được chia thành các nhóm nhỏ.

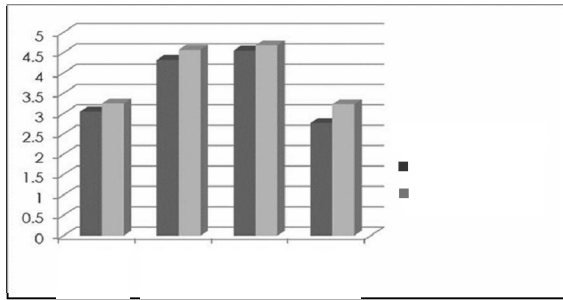
2.2. Can thiệp cấp độ cơ sở (CICO). Không giống như các biện pháp can thiệp cấp độ phổ quát, các biện pháp can thiệp ở cấp độ cơ sở chỉ được áp dụng cho một số HS. Nhưng “nhìn” chung là giống các HS khác trên bình diện nội dung và cấu trúc. Trong suốt quá trình thực hiện CICO, HS tham gia vào các cuộc gặp mặt/trao đổi với GV chủ nhiệm/GV bộ môn/nhân viên tư vấn vào buổi sáng để cùng trao đổi về kế hoạch, việc học tập trong ngày hay nhận một công việc cụ thể; sau một ngày học tập/ thực hiện nhiệm vụ được giao, HS đó sẽ gặp lại người đó báo cáo kết quả công việc trong ngày và tiếp nhận thông tin phản hồi, nhận xét, kết luận của GV.

2.3. Can thiệp cấp độ nâng cao (FBA). Trọng tâm của các can thiệp chuyển sang cách tiếp cận cá nhân hóa để giải quyết những nhu cầu cụ thể của một HS. Ở cấp độ này, nghiên cứu hỗ trợ việc sử dụng các đánh giá hành vi chức năng để xác định ảnh hưởng của ngữ cảnh; chẳng hạn, môi trường của lớp học có thể ảnh hưởng đến hành vi của HS. Một FBA sẽ tạo điều kiện thu thập dữ liệu và cho phép một GV (hoặc các GV) xác định rõ những thành tích cũng như kết quả chưa đạt yêu cầu của 1 HS/nhóm HS về 1 vấn đề hay 1 bài tập cụ thể nào đó (GV thấy được HS/nhóm HS những thiếu sót, hạn chế). Sau quá trình FBA, một kế hoạch can thiệp được GV lên kế hoạch dựa trên khả năng thực hiện của cá nhân HS/nhóm được GV đề ra để thúc đẩy hơn nữa những kết quả đã đạt được lần trước, từng bước tạo ra thành tích/kết quả học tập lần sau (sau khi can thiệp) sẽ cao hơn lần trước.

2.4. Các lưu ý về hệ thống hỗ trợ đa tầng (MTSS). Khi thực hiện MTSS, GV cần nhớ một số những lưu ý - Logic hỗ trợ phương pháp can thiệp theo các cấp độ được xây dựng trên một khung làm việc vững chắc của phòng ngừa ban đầu/can thiệp. Những HS có nhu cầu hỗ trợ ở cấp độ cơ sở hoặc nâng cao thì không nhận được những biện pháp hỗ trợ này ở cấp độ I, mà thêm vào những hỗ trợ ở cấp độ I; - Phương pháp hiệu quả nhất để cải thiện kết quả hành vi cho tất cả HS là cung cấp đa dạng các chiến lược, các biện pháp và những hỗ trợ đã được nghiên cứu đem lại kết quả trên diện rộng. MTSS là một khuôn khổ làm việc phức tạp, nhưng khi

(Xem tiếp trang 7)

hội nghị truyền hình cũng cho thấy tính hiệu quả cao (Eda, 2014) [8].



Hình 6. Hiệu quả đào tạo nâng cao ý thức sử dụng ICT của GV bằng hệ thống hội nghị truyền hình

Trong tương lai, để có thể học tập các cách sử dụng ICT hiệu quả, cần phải cụ thể hóa nội dung đào tạo và đề xuất thêm các mô hình đào tạo. Đào tạo lí luận cơ bản liên quan đến AAC và các kế hoạch đào tạo theo các cấp độ khác nhau nhằm bồi dưỡng cách giảng dạy thích ứng với các mức độ phát triển và dạng khuyết tật được cho là cần thiết. Không chỉ trên phương diện kĩ năng sử dụng ICT, việc đào tạo cần chú ý tới cả phương diện tâm lí nhằm tạo cho GV sự tự tin trong sử dụng ICT. □

Tài liệu tham khảo

- [1] United Nations (2006). *Convention on the Rights of Persons with Disabilities*. <https://www.un.org/development/desa/disabilities/>
- [2] Beukelman, D. & Mirenda, P (2005). *Augmentative and Alternative Communication - Third edition*. Paul H. Brookes Publishing Co. Baltimore, Maryland.
- [3] Eda, Y., Yoshida M. and Goto H (1998). *Development of an ocular control device for use by the severely handicapped*. Bulletin of Center for Educational Research and Training, Faculty of Education, Wakayama University, No.8, 105-112.
- [4] Eda, Y (2000). *A case study on the application of the ocular control device, for a severely disabled child*. The Japanese Journal of Special Education, Vol.37 (5), 1-8.
- [5] Eda, Y (2006). *A demonstrational study of gaze detection on the communication method of using eyes*. Bulletin of Center for Educational Research and Training, Faculty of Education, Wakayama University, No.16, 77-82.
- [6] Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology in Japan (2011). *The outlook of computerized education*. http://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/zyouhou/1287351.htm
- [7] Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology in Japan (2013). *An investigation into the actual state of computerization on school education*. http://www.mext.go.jp/b_menu/houdou/23/04/1305484.htm

- [8] Eda, Y (2014). *Factor analysis on the consciousness of ICT use in people concerning special education, Training effects of the special education forum by videoconferencing system*. Bulletin of Center for Educational Research and Training, Faculty of Education, Wakayama University, No.24. 153-159.
- [9] Eda, Y., Mori C. and Hitotsuda, H (2010). *The recent state about the use of computer and cellular phone by the students at special schools for mental retardation*. Bulletin of Center for Educational Research and Training, Faculty of Education, Wakayama University, No.20, 7-14.

Bài học kinh nghiệm về phương pháp...

(Tiếp theo trang 180)

thực hiện một cách thích hợp, thì sẽ thu lại được một số kết quả nghiên cứu thực tiễn.

Khi lựa chọn một can thiệp ở bất kì cấp độ nào, GV cần dựa vào thực tiễn (giống như những mô tả ở trên), những nghiên cứu này đã cho kết quả tốt khi thực hiện trong thực tế, đem lại những kết quả tích cực nhất ở HS. Tuy nhiên, để đạt được kết quả tốt nhất khi áp dụng vào thực tế, GV cần tuân thủ các hướng dẫn sau: - Dành cho những đối tượng đã được kiểm chứng thực tế (ví dụ, số liệu của HS); - Mức độ thường xuyên thực hiện các can thiệp hoặc thực hành; - Các buổi can thiệp nên kéo dài bao lâu; - Các bước và các tài liệu cần thiết để cung cấp cho can thiệp như đã được thiết kế. □

Tài liệu tham khảo

- [1] B.G. Cook - M. Tankersley - L. Cook - T.J. Landrum (2008). *Evidence-based practices in special education: Some practical considerations*. Intervention in School and Clinic.
- [2] A. Campbell - C.M. Anderson (2011). *Check-in/check-out. A systematic evaluation and component analysis*. Journal of Applied Behavior Analysis.
- [3] D.A. Crone - R.H. Horner R.H - L.S. Hawken (2003). *Responding to problem behavior in schools: The behavior education program*. New York.
- [4] R.A. Gable - K.L. Park - T.M. Scott (2014). *Functional behavioral assessment and students at risk for or with emotional disabilities: Current issues and considerations*. Education and Treatment of Children.
- [5] R.H. Horner - G. Sugai - A.W. Todd - T. Lewis-Palmer (2005). *School-wide positive behavior support*. Individualized supports for students with problem behaviors: Designing positive behavior plans.
- [6] M.M. Kerr - C.M. Nelson (2010). *Strategies for addressing student's behavior problems in schools*. New York.